

Số: 1487/QĐ-UBND

Vĩnh Lại, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026 của xã Vĩnh Lại

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH LẠI,

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2005; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Lại về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Vĩnh Lại tại Tờ trình số 168/TTr-KT ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của xã Vĩnh Lại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Lại quyết định cho các cơ quan, đơn vị:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, phòng, ban, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính TP;
- VP Đảng ủy xã;
- VP HĐND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu VT *HCC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hường



Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	TỔNG SỐ THU	288.640.000.000		TỔNG SỐ CHI	288.640.000.000
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	2.930.000.000	I	Chi đầu tư phát triển	45.860.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	27.657.000.000	II	Chi thường xuyên	237.764.000.000
III	Thu bổ sung	258.053.000.000	III	Dự phòng	5.016.000.000
	- Bổ sung cân đối	224.161.000.000			
	- Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000			
	- Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên chi ĐTXD	32.812.000.000			
IV	Thu chuyển nguồn				

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	319.773.000	288.640.000
I	Các khoản thu 100%	2.350.000	2.350.000
	Phí, lệ phí	650.000	650.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.700.000	1.700.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	-
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	-
	Thu khác	-	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	59.370.000	28.237.000
1	Các khoản thu phân chia	11.190.000	5.977.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	580.000	580.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	7.300.000	4.453.000
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.410.000	564.000
	- Thu khác ngân sách	1.900.000	380.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	48.180.000	22.260.000
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	17.060.000	9.212.000
	- Thuế thu nhập cá nhân		
	- Thu tiền sử dụng đất	31.120.000	13.048.000
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	-	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	258.053.000	258.053.000
	- Thu bổ sung cân đối	224.161.000	224.161.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.080.000	1.080.000
	- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên chi ĐTXD	32.812.000	32.812.000

4



Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	288.640.000	45.860.000	242.780.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục và đào tạo	141.461.000	6.742.000	134.719.000
2	Chi khoa học và công nghệ	390.000		390.000
3	Chi y tế, dân số và gia đình	6.534.000		6.534.000
4	Chi văn hóa, thông tin	6.074.000		6.074.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	350.000		350.000
6	Chi thể dục thể thao	405.000		405.000
7	Chi bảo vệ môi trường	1.350.000		1.350.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	46.336.000	35.223.000	11.113.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.910.000	2.583.000	28.327.000
10	Chi quốc phòng	3.007.000		3.007.000
11	Chi an ninh, TTXH	2.601.000		2.601.000
12	Chi bảo đảm xã hội	43.023.000	1.312.000	41.711.000
13	Chi khác	1.183.000		1.183.000
14	Dự phòng ngân sách	5.016.000		5.016.000



Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026
(Dự toán đã Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026		
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân+ khác			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP		99.091	-	99.091	5.639.248	-	5.048	7.500,0
1	Đầu tư xây dựng điểm dân cư mới thôn Đông Vạn và điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá (Ứng Hòa) - 42000055	2021-2022	49.440,8	-	49.440,8	48.118,3		1.322,425	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và chùa Đan Bối xã Tân Hương	2020-2021	8.898,8		8.898,8	8.788,9		109,865	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và chùa Đan Bối xã Tân Hương. Hạng mục cấp hạ điện áp	2020-2021	301,3		301,3	5.553.000,0		5,553	
4	Xây mới cống ống Nhân thôn Đồng Hy; Nối dài cống ống Sung thôn Đỗ Xá - 036800149	2021	1.238,0		1.238,0	991,1		246,894	
5	Xây mới cầu Thông, thôn Đoàn Xuyên - 036800034	2021-2022	1.187,2		1.187,2	990,3		196,878	
6	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Ứng Hòa (Giai đoạn 1) Đoạn từ nhà Bà Khá đến nhà ông Tăng thôn Quảng Nội. Hạng mục nền mặt đường bê tông, thoát nước - 036800215	2023-2024	951,5		951,5	889,3		62,146	
7	Trường Mầm non Ứng Hòa. Hạng mục phụ trợ	2015-2016	4.297,8		4.297,8	4.148,3		149,523	
8	Trường THCS Quyết Thắng: Nhà để xe, sân thể thao, hệ thống thoát nước - 036800105	2022	820,2		820,2	723,3		96,859	
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc công an xã Tân Hương	2022	3.647,4		3.647,4	3.501,0		146,373	
10	Kiên cố hóa kênh tưới N3, N4 Ninh Thành		2.373,5		2.373,5	2.262,0		111,484	
11	Kiên cố hóa kênh tưới N1, N2 Ninh Thành		1.745,5		1.745,5	1.659,2		86,319	
12	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang (Tuyến 1: từ công xóm 7 thôn Đỗ Xá đến trục giao thông Huyện; Tuyến 2: từ công sân vận động trung tâm đến đường trục giao thông huyện) - 036800228	2025	6.303,9		6.303,9	4.803,9			1.500
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL37 đến UBND xã Ứng Hòa - 036800227	2025	8.878,5		8.878,5	4.878,5			4.000
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và hệ thống tiêu thoát nước từ xóm 2 (QL37) - Trạm biến áp xóm 5, thôn Đỗ Xá, xã ứng Hòa 0 036800271	2025-2026	8.011,6		8.011,6	3.993,4		2.018,181	2.000
15	Xây mới nhà vòm trường mầm non Quyết Thắng	2025	995,5		995,5	500,0		495,500	
II	CÔNG TRÌNH KHỞI ĐANG CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		11.500	-	-	-	-	500	2.000

1	Nâng cấp đường GTNT xã Vinh Lại (từ nhà ông Tăng đến nhà ông Đỗ thôn Quảng Nội)	2026	2.000,0					500,0	
2	Dự án: Xây mới nhà hiệu bộ, chức năng Trường tiểu học Quyết Thắng, xã Vinh Lại, TP Hải Phòng	2026	9.500,0						2.000
III	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI NĂM 2026		166.334	-	-	-	-	7.500	23.311,675
1	Dự án: Lập Quy hoạch chung xây dựng xã		1.000,0	-	-	-	-		1.000
2	Dự án: nâng cấp cải tạo Đường giao thông xã Đoạn từ đường 392 đến đê sông Đĩnh Đào, xã Vinh Lại, TP Hải Phòng (2,5km; Bm = 5,5m; Bn=7,5m)		40.000,0					-	11.500
3	Dự án: Nâng cấp cải tạo đường giao thông từ bùng binh tam giác đường 392 đến công An Cư (Giáp Minh Đức - Tử Kỳ) (dài 4,44km, Bm=7m)		80.500,0					3.000	8.000
4	Dự án: Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (02 phòng học, 6 phòng phục vụ học tập) trường mầm non Tân Hương		12.000,0					1.500	499,675
5	Dự án: Xây mới phòng lớp học 3 tầng 18 phòng trường TH Nghĩa An		23.300,0					1.500	500
6	Dự án: Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ Ninh Hòa		3.000,0					500	812
7	Dự án: Nhà VH thôn Đỗ Xá + đường đi tránh Đĩnh Đỗ Xá		6.534,0					1.000	1.000
IV	DỰ PHÒNG			-	-	-	-	-	-
1	10% Trượt giá đột xuất							-	
2	5% Triển khai năm 2024							-	
	TỔNG CỘNG NĂM 2022 (I+II+III+IV)		276.925,5	-	99.091,5	5.639.247,7	-	13.048	32.811,675